



Thứ ba, ngày 24 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Đan xen tốt xấu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/4/2018		•	
Tuần 23/4-27/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Ngay mở đầu phiên, áp lực bán mạnh khiến Vn-index mất 23 điểm. Tuy nhiên, cặp đôi VIC vs VRE cùng với nhóm dầu khí tăng điểm đã nâng đỡ chỉ số, kết phiên tăng nhẹ 3 điểm.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm bao gồm VIC (+3.66 điểm); GAS (+2.86 điểm); VRE (+1.73 điểm); BID (+1.62 điểm); BVH (+0.99 điểm)
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-1.27 điểm); PLX (-1.22 điểm); CTG (-1.15 điểm); HDB (-0.57 điểm); ROS (-0.57 điểm)
- Diễn biến giá của các nhóm cổ phiếu có sự trái ngược, đan xen lẫn nhau. Trong khi một số mã Ngân hàng và Chứng khoán giảm điểm mạnh, nhóm Dầu khí lại có diễn biến tích cực khi hầu hết đều có mức tăng trên 2%.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 5,622 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 36.21 điểm. Thị trường có 107 mã tăng và 170 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 3.96 điểm, đóng cửa tại 1,080.74 điểm. Với diễn biến tương tự, HNX-Index tăng nhẹ 0.16 điểm, đạt mức 126.30 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 617.49 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (536.9 tỷ), VJC (148.9 tỷ) và HPG (75.8 tỷ). Ngược lại, họ mua ròng 24.2 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Tiếp tục với tâm lý tiêu cực ngày hôm qua, Vn-Index mở cửa với mức rơi 23 điểm. Lực cầu bất đáy tại các mã trụ cột ngăn cản thị trường giảm sâu thêm. Nhưng tâm lý nhà đầu tư chỉ trở nên lạc quan hẳn khi VIC và VRE diễn biến tích cực trở lại. Tín hiệu này lan tỏa sang các cổ phiếu khác giúp chỉ số tìm lại sắc xanh. Dù đóng cửa ở mức tăng nhẹ 3 điểm, diễn biến giữa nhóm cổ phiếu lớn có sự đan xen tăng giảm. Với diễn biến thị trường đã giảm 20% kể từ đỉnh và chưa xác định được xu hướng thị trường, nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên bảo toàn margin và chỉ giải ngân một phần nhỏ khi giá cổ phiếu ở vùng hấp dẫn.

Phân tích kỹ thuật:

TDC_Tích Lũy Tốt

(Vui lòng tải và xem **trang 2 báo cáo**)

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem **trang 4 báo cáo**)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1080.74**
Giá trị: 5622.02 tỷ **3.96 (0.37%)**
Khối ngoại (ròng): 617.49 tỷ

HNX-INDEX **126.30**
Giá trị: 767.24 tỷ **0.16 (0.13%)**
Khối ngoại (ròng): 24.2 tỷ

UPCOM-INDEX **57.06**
Giá trị: 242.3 tỷ **-0.09 (-0.16%)**
Khối ngoại (ròng): -632.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.9	0.44%
Giá vàng	1,327	0.17%
Tỷ giá USD/VND	22,769	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	27,755	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	20,921	-0.10%
LS liên NH 1 tháng	1.8%	-
LS TPCP 5 năm	3.3%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	37.36	VIC	536.75
SSI	34.75	VJC	148.90
GAS	29.70	HPG	75.80
MSN	26.20	VCB	28.56
BID	19.50	NVL	15.31

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
TDC	0.1	9.1	8	9	NGỪNG BÁN	Tăng giá trung hạn
LDG	0.9	24.1	23	27	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
SHB	7.8	11.8	11	14	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
PDR	1.6	39.9	39	42	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
KBC	1.9	12.9	5	15	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
AAA	1.4	20.7	21	22	MUA	Tăng giá ngắn hạn
DIG	1.2	22.0	22	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CEO	1.8	17.4	15	19	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
IDI	2.5	14.3	14	16	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
TCH	2.4	25.1	19	26	MUA	Tăng giá kéo dài

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

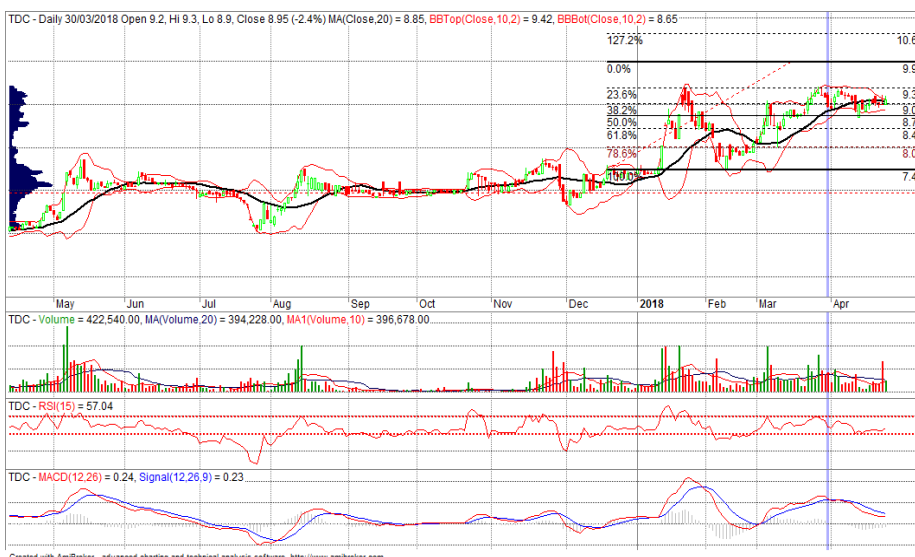
TDC_Tích Lũy Tốt

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo MACD: Có xu hướng hội tụ lên và bám sát đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Giao động trong biên độ 50 - 70

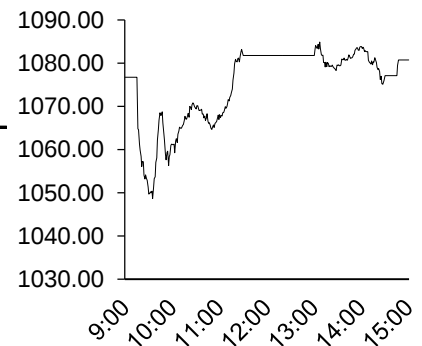
Nhận định: TDC đang trong giai đoạn tích lũy ngắn hạn với biên độ co hẹp dần xung quanh đường SMA 20 sau khi tiếp cận vùng đỉnh cũ ở mức 9.4. So sánh với mức độ điều chỉnh mạnh của thị trường gần đây, giá cổ phiếu TDC tương đối ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy TDC đang trong xu hướng tích lũy tốt.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi diễn biến giá cổ phiếu. Trong trường hợp giá cổ phiếu bứt phá được ngưỡng kháng cự ở mức 9.4 với thanh khoản tốt, giá mục tiêu sẽ là 10.6.

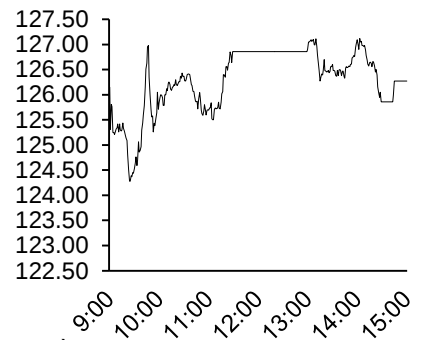


Hình 1

HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1805	1044.0	0.9%	29.8%
VN30F1806	1050.6	0.5%	39.5%
VN30F1809	1079.9	-0.1%	-7.8%
VN30F1812	1108.0	-0.4%	40.0%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	127	3.1	3.4
GAS	129	3.3	0.8
HPG	56	0.7	0.7
NVL	71	1.7	0.7
MSN	96	0.8	0.7

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SSI	37	-4.4	-1.1
PLX	62	-4.0	-0.6
ROS	80	-4.0	-0.8
BMP	55	-3.7	-0.2
KDC	36	-3.5	-0.3

Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	GTN	05/04/2018	11.60	12.15	4.7%	10.9	14.0
Trung bình					4.7%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	30.55	121.4%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	56.00	119.9%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	71.50	70.6%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	39.90	6.8%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	37.00	0.7%	30.0	50.0
Trung bình					63.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.1	81.1%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	33.5	12.8%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	44.4	7.0%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	62.0	-25.3%	75.0	114.0
5	VGC	06/04/2018	25.2	23.7	-6.0%	23.2	32.5
Trung bình					13.9%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	105.7	0.2%	0.6	1,504	1.0	7,166	14.8	5.7	49.0%	45.3%	
PNJ	Bán lẻ	174.0	0.0%	0.9	829	1.6	7,307	23.8	6.4	49.0%	32.6%	
BVH	Bảo hiểm	100.0	4.2%	1.5	2,998	1.1	2,246	44.5	4.9	25.3%	10.7%	
PVI	Bảo hiểm	35.9	-0.3%	0.6	362	0.4	2,363	15.2	1.2	43.9%	10.3%	
VIC	Bất động sản	127.0	3.1%	1.3	14,757	48.3	2,460	51.6	9.9	10.5%	16.1%	
VRE	Bất động sản	48.0	5.5%	1.2	4,020	4.1	791	60.7	3.5	32.9%	5.7%	
NVL	Bất động sản	71.0	1.7%	0.6	2,674	7.9	2,534	28.0	4.6	11.3%	18.7%	
REE	Bất động sản	36.0	-0.3%	1.0	492	1.7	4,442	8.1	1.4	49.0%	18.1%	
DXG	Bất động sản	34.5	0.1%	1.1	460	3.7	3,040	11.3	2.6	42.1%	24.6%	
SSI	Chứng khoán	37.4	-4.3%	1.2	824	8.2	2,371	15.8	2.2	54.3%	14.2%	
VCI	Chứng khoán	95.0	-3.1%	0.8	502	0.9	5,790	16.4	3.8	39.4%	30.5%	
HCM	Chứng khoán	71.5	-3.9%	1.1	408	0.9	6,048	11.8	3.3	58.2%	21.4%	
FPT	Công nghệ	56.4	-2.8%	0.8	1,326	4.7	5,532	10.2	2.6	48.8%	28.0%	
FOX	Công nghệ	53.1	-3.5%	0.1	529	0.0	3,453	15.4	4.0	0.2%	26.5%	
GAS	Dầu khí	128.8	3.3%	1.4	10,860	3.6	5,149	25.0	5.6	3.5%	23.9%	
PLX	Dầu khí	62.0	-4.0%	1.5	3,165	3.3	3,013	20.6	3.5	12.1%	17.1%	
PVS	Dầu khí	20.2	3.6%	1.6	398	3.5	1,792	11.3	0.8	17.7%	7.6%	
BSR	Dầu khí	21.3	-2.3%	-0.1	2,909	0.8	#N/A	N/A	#N/A	N/A	56.6%	14.0%
DHG	Dược	105.5	-1.3%	0.4	608	0.6	4,344	24.3	5.0	47.0%	20.5%	
DPM	Hóa chất	19.2	0.8%	0.9	330	0.3	1,426	13.4	1.0	22.4%	8.7%	
DCM	Hóa chất	12.0	0.0%	0.5	280	0.5	1,075	11.2	1.0	4.1%	9.5%	
VCB	Ngân hàng	60.0	0.7%	1.5	9,510	11.7	2,888	20.8	4.1	20.4%	18.1%	
BID	Ngân hàng	38.0	3.5%	1.3	5,723	4.1	1,985	19.1	2.8	2.6%	15.3%	
CTG	Ngân hàng	30.4	-2.7%	1.5	4,978	7.7	1,996	15.2	1.8	30.0%	12.0%	
VPB	Ngân hàng	57.0	0.0%	0.9	3,760	9.5	4,564	12.5	2.9	23.5%	26.9%	
MBB	Ngân hàng	30.6	-0.2%	1.1	2,443	8.4	2,301	13.3	2.0	20.0%	13.2%	
ACB	Ngân hàng	44.4	-0.2%	0.9	2,121	7.7	1,953	22.7	3.0	29.9%	14.1%	
BMP	Nhựa	55.0	-3.7%	1.0	198	1.0	5,676	9.7	1.8	71.6%	19.6%	
NTP	Nhựa	55.0	0.0%	0.5	216	0.1	4,922	11.2	2.4	23.1%	25.1%	
MSR	Tài nguyên	27.8	0.0%	1.4	881	0.1	286	97.2	1.7	2.1%	1.0%	
HPG	Thép	56.0	0.7%	0.8	3,742	9.4	5,540	10.1	2.6	39.9%	30.8%	
HSG	Thép	16.8	-3.2%	1.0	258	1.4	3,523	4.8	1.1	26.3%	28.8%	
VNM	Tiêu dùng	180.0	-1.3%	0.7	11,508	11.5	6,356	28.3	11.2	59.5%	40.5%	
SAB	Tiêu dùng	217.0	-0.2%	0.8	6,130	0.4	7,249	29.9	10.4	9.7%	38.3%	
MSN	Tiêu dùng	95.8	0.8%	1.1	4,421	5.8	2,877	33.3	6.8	32.4%	20.6%	
SBT	Tiêu dùng	17.8	0.0%	1.0	437	4.9	1,086	16.4	1.4	7.4%	7.4%	
ACV	Vận tải	89.9	-0.7%	0.8	8,622	0.1	1,883	47.7	7.2	3.5%	15.9%	
VJC	Vận tải	195.0	-1.0%	0.9	3,877	8.7	11,356	17.2	8.3	25.7%	67.1%	
HVN	Vận tải	37.9	-2.8%	1.7	2,086	1.4	1,727	21.9	3.1	8.9%	14.6%	
GMD	Vận tải	27.4	-1.3%	0.8	347	0.8	1,922	14.2	1.2	20.4%	8.1%	
PVT	Vận tải	20.1	1.5%	1.0	249	0.2	1,599	12.6	1.5	33.7%	12.4%	
VCS	Vật liệu xây dựng	110.5	0.5%	0.9	779	0.7	7,139	15.5	7.4	1.3%	58.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.7	0.9%	1.1	468	1.3	1,697	14.0	1.6	34.5%	11.8%	
HT1	Vật liệu xây dựng	13.2	-2.2%	0.8	222	0.1	1,207	10.9	1.0	6.4%	9.4%	
CTD	Xây dựng	137.5	-1.8%	0.2	474	1.2	20,255	6.8	1.4	42.4%	23.2%	
VCG	Xây dựng	20.0	2.0%	1.7	389	1.5	3,037	6.6	1.4	9.2%	21.5%	
CII	Xây dựng	32.8	2.5%	0.6	356	1.1	6,032	5.4	1.6	67.0%	35.9%	
POW	Điện	13.8	-2.8%	0.6	1,424	0.7	494	28.0	1.2	65.5%	4.5%	
NT2	Điện	32.0	4.9%	0.7	406	0.5	2,646	12.1	1.8	22.1%	16.1%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	127.00	3.08	3.66	8.72MLN
GAS	128.80	3.29	2.87	642240.00
VRE	48.00	5.49	1.74	1.98MLN
BID	38.00	3.54	1.62	2.50MLN
BVH	100.00	4.17	1.00	254570.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	180.00	-1.32	-1.27	1.47MLN
PLX	62.00	-4.02	-1.23	1.22MLN
CTG	30.35	-2.72	-1.16	5.71MLN
HDB	45.00	-3.43	-0.57	3.01MLN
ROS	80.10	-3.96	-0.57	640010.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMT	9.63	7.00	0.00	1000.00
COM	59.70	6.99	0.02	2200.00
TCR	2.92	6.96	0.00	20.00
BTP	12.30	6.96	0.02	190480.00
VCF	159.90	6.96	0.10	1210.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VND	27.35	-6.97	-0.12	2.45MLN
HAR	6.29	-6.95	-0.02	857250
OPC	48.85	-6.95	-0.03	1180
LAF	8.98	-6.94	0.00	570
QCG	9.40	-6.93	-0.07	888850

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	20.20	3.59	0.17	3.99MLN
DL1	40.00	6.67	0.14	2600
VCG	20.00	2.04	0.05	1.66MLN
NDN	17.90	5.29	0.03	154820
VGC	23.70	0.85	0.02	1.27MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	44.40	-0.22	-0.08	3.92MLN
L14	47.00	-9.96	-0.03	123630
INN	59.00	-4.84	-0.03	5500
SHS	19.80	-1.00	-0.02	1.71MLN
PMC	57.00	-4.84	-0.02	4100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

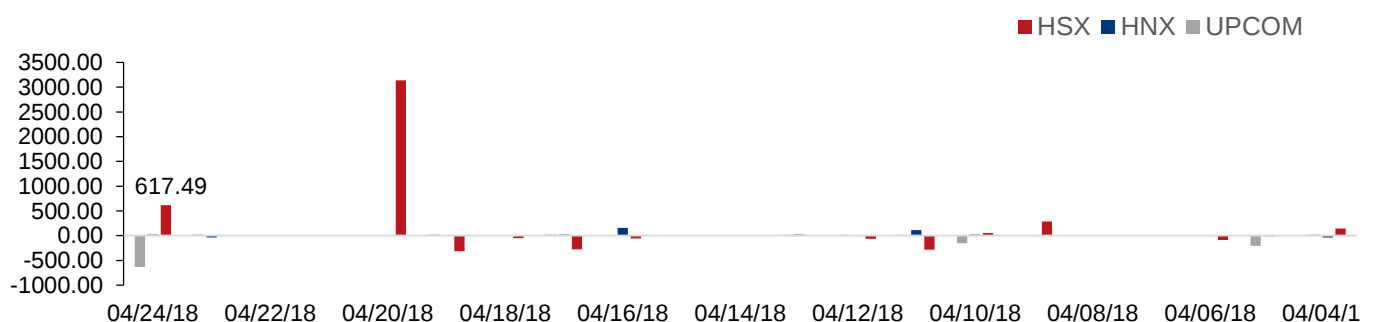
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PXA	0.90	12.50	0.00	248500
ACM	1.00	11.11	0.01	330430
KSK	1.00	11.11	0.00	101900
B82	2.20	10.00	0.00	100
MNC	4.40	10.00	0.00	200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAX	22.50	-10.00	-0.01	100
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	13.6	293	46.4	1.1	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	32.0	2,646	12.1	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	15.1	669	22.6	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.0	206	164.7	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	44.4	1,953	22.7	3.0	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	34.1	4,735	7.2	1.2	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	22.0	824	26.7	1.9	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.1	1,599	12.6	1.5	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	56.0	5,540	10.1	2.6	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	34.5	3,040	11.3	2.6	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	13.4	2,973	4.5	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	38.9	5,435	7.2	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	56.4	5,532	10.2	2.6	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	60.0	2,888	20.8	4.1	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.2	1,792	11.3	0.8	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	30.6	2,301	13.3	2.0	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	137.5	20,255	6.8	1.4	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.4	164	33.0	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	128.9	18,697	6.9	2.2	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	174.0	7,307	23.8	6.4	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cần trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

